TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST Ngày 10-01-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Tuấn A, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28/10/2022 và bản tự khai ngày 08/11/2022, nguyên đơn chị N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Cao Tuấn A thời gian năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 12 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6 năm 2020 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh

tế. Anh A thường xuyên chơi bời, khiến vợ chồng phải bán nhà để trả nợ cho anh A. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày anh A không tôn trọng, không lắng nghe ý kiến của chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Cao Tuấn A.

Về con chung: Có 02 con là Cao Kiến G, sinh ngày 16/6/2009 và Cao Kiến A, sinh ngày 22/10/2013, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Chị không yêu cầu anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Cao Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh A vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh A là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh A. Về con chung: Giao cháu Cao Kiến G, sinh ngày 16/6/2009 và Cao Kiến A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng

đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị N xin ly hôn anh A và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh A đang cư trú tại Thôn 4, xã D, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Cao Tuấn A là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh A xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, K ngày 19/3/2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh A được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình. Trong cuộc sống anh A không tôn trọng, không lắng nghe ý kiến của chị N. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa chị N và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh A là phù hợp.

[4] Về nuôi con: Anh chị có 02 con chung là Cao Kiến G, sinh ngày 16/6/2009 và Cao Kiến A, sinh ngày 22/10/2013, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị N có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt. Mặt khác, nguyện vọng của cháu G, cháu A đều muốn được ở với chị N. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu G và cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù

hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh A.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Cao Tuấn A.

2. Về nuôi con: Giao cháu Cao Kiến G, sinh ngày 16/6/2009 và cháu Cao Kiến A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh Cao Tuấn A cho đến khi chị Nguyễn Thị N có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Cao Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001796 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Nguyễn Thị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Cao Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đôi **Phan Thị Minh Phương** **Phạm Thị Ngà**